TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:42/2017/HNGĐ-ST
Ngày:28-9-2017.
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Bằng

2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Phượng Tuyền -Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:47/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:42/2017/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*: Trần Thị Thúy Q**, sinh năm 1993. Địa chỉ: 93/1 ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

***2. Bị đơn*: Lê Hữu Đ**, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Tại phiên tòa có mặt chị Q, vắng mặt anh Đ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Thúy Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Hữu Đ sống chung với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/11/2013. Quá trình sống chung vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh Đ không tôn trọng chị, thường xuyên mắng chửi chị. Chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh Đ nên chị đã về nhà cha, mẹ ruột ở và chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh Đ từ tháng 11

năm 2014 đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hữu Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có một con chung tên là Lê Hữu P, sinh ngày 02/6/2014, cháu đã sống chung với chị từ khi cháu mới sinh ra cho đến nay. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu cho đến khi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Đ không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Lê Hữu Đ:

Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ anh Lê Hữu Đ nhiều lần nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Trần Thị Thúy Q vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Hữu Đ và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung.

Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Trần Thị Thúy Q được ly hôn với anh Lê Hữu Đ, cho chị Q được trực tiếp nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ lời trình bày của đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị Thúy Q tranh chấp yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lê Hữu Đ có nơi cư trú tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo

quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Hữu Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thúy Q và anh Lê Hữu Đ sống chung có đăng ký kết hôn năm 2013, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Q và anh Đ đã không còn khả năng đoàn tụ. Bởi lẽ anh chị chung sống không hạnh phúc, chị Q cho rằng anh Đ không tôn trọng chị, thường xuyên mắng chửi chị. Chị và anh Đ đã không còn chung sống gần 03 năm nay. Quá trình ly thân anh, chị hoàn toàn không liên hệ hay quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng anh Đ không đến tham gia hòa giải. Điều đó chứng tỏ tình cảm giữa chị Q và anh Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thúy Q.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị Thúy Q yêu cầu trực tiếp nuôi con tên Lê Hữu P, sinh ngày 02/6/2014. Xét thấy cháu P chưa thành niên cần có người trực tiếp nuôi dưỡng và cháu đã sống chung với chị Q từ lúc mới sinh ra cho đến nay, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ không có ý kiến về việc chị Q yêu cầu được nuôi con. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q, giao con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Hữu Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng: Chị Q không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị Q có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thúy Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thúy Q được ly hôn với anh Lê Hữu Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Hữu P, sinh ngày 02/6/2014 cho chị Trần Thị Thúy Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Hữu Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng: Anh Lê Hữu Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Trần Thị Thúy Q chưa có yêu cầu.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thúy Q phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị Trần Thị Thúy Q đã nộp theo biên lai thu số 18529 ngày 20/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị Q đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị Thúy Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lê Hữu Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- UBND thị trấn B, huyện B, Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Hồ Thị Kim Hương